

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TH KIM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 98/QĐ-THKĐ

Gò Vấp, ngày 15 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý 1 năm 2024
của Trường Tiểu học Kim Đồng**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT - BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 1 năm 2024 của Trường Tiểu học Kim Đồng;
- Xét đề nghị của kế toán trường Tiểu học Kim Đồng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý 1 năm 2024 của Trường Tiểu học Kim Đồng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Tiểu học Kim Đồng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



Phạm Thị Nam Hồng

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Kim Đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 15 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Tiểu học Kim Đồng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1/2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện Quý 1 năm 2023	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 1 năm 2024	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
		1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-	18.808.562.000	3.346.339.308	0,18	#DIV/0!
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		18.808.562.000	3.346.339.308	0,18	#DIV/0!
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.601.144.047	17.997.531.000	3.346.339.308	1,07	#DIV/0!
a	Nguồn 13	2.601.144.047	9.738.990.000	2.412.269.138	0,53	0,93
b	Nguồn 14	-	8.258.541.000	467.035.085	0,27	#DIV/0!
	Chi chênh lệch lương 310.000đ (9523)	-	1.671.052.000	441.855.533	0,26	#DIV/0!

Số TT	Nội dung	Thực hiện Quý 1 năm 2023	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 1 năm 2024	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	Chi NQ08 (9527)	-	6.587.489.000	25.179.552	0,00	#DIV/0!
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)		811.031.000	0,0	0,0	#DIV/0!
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động (2tr7/lớp)	-	132.300.000		0,0	#DIV/0!
	KP bồi dưỡng thường xuyên GV	-	79.200.000		0,0	#DIV/0!
	Chênh lệch định biên	-	374.531.000		0,0	#DIV/0!
	Mua sắm	-	225.000.000		0,0	#DIV/0!

Kế toán



Nguyễn Thị Thúy

Gò Vấp, ngày 15 tháng 4 năm 2024

Hiệu trưởng



Phạm Thị Nam Hồng

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Quý 1 - Năm 2024

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2024

	Nguồn 13	Nguồn 14	Nguồn 12	Tổng cộng
Tồn năm 2023 chuyển sang	5.000.000	2.863.465.840		2.868.465.840
Dự toán giao trong năm 2024	9.738.990.000	8.258.541.000	811.031.000	18.808.562.000
Dự toán đã sử dụng	2.412.269.138	467.035.085	-	2.879.304.223
+ Quý 1	2.412.269.138	467.035.085	-	2.879.304.223
+ Quý 2				-
+ Quý 3				
+ Quý 4				-
Tồn cuối kỳ	7.331.720.862	10.654.971.755	811.031.000	18.797.723.617

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 1 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	5	6
	Tổng cộng:	2.412.269.138	2.399.004.138
6000	Tiền lương	1.189.037.880	1.189.037.880
6001	Lương theo ngạch bậc	1.189.037.880	1.189.037.880
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	70.200.000	70.200.000
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	70.200.000	70.200.000
6100	Phụ cấp lương	607.197.853	607.197.853
6101	Phụ cấp chức vụ	16.539.000	16.539.000
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ		-
6107	Phụ cấp độc hại	894.000	894.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	398.951.737	398.951.737
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	2.682.000	2.682.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	188.131.116	188.131.116
6149	Phụ cấp khác		-
6300	Các khoản đóng góp	344.018.405	344.018.405
6301	Bảo hiểm xã hội	256.183.928	256.183.928
6302	Bảo hiểm y tế	43.917.240	43.917.240
6303	Kinh phí công đoàn	29.278.157	29.278.157
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	14.639.080	14.639.080
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	188.550.000	188.550.000
6449	Chi khác	188.550.000	188.550.000

6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	3.888.000	3.888.000
6501	Tiền điện		-
6502	Tiền nước		-
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	3.888.000	3.888.000
6550	Vật tư văn phòng	-	-
6700	Công tác phí	6.000.000	6.000.000
6704	Khoản công tác phí	6.000.000	6.000.000
7750	Chi khác	3.377.000	3.377.000
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	3.377.000	3.377.000

2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :

Tổng cộng:		467.035.085	467.035.085
6000	Tiền lương	247.383.720	247.383.720
6001	Lương theo ngạch bậc	247.383.720	247.383.720
6100	Phụ cấp lương	126.329.758	126.329.758
6101	Phụ cấp chức vụ	3.441.000	3.441.000
6107	Phụ cấp độc hại	186.000	186.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	83.003.390	83.003.390
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	558.000	558.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	39.141.368	39.141.368
6300	Các khoản đóng góp	93.321.607	93.321.607
6301	Bảo hiểm xã hội	50.744.089	50.744.089
6302	Bảo hiểm y tế	8.698.983	8.698.983
6303	Kinh phí công đoàn	5.799.322	5.799.322
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	2.899.661	2.899.661
6449	Chi khác	25.179.552	25.179.552

2/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

Chênh lệch định biên

- Mua sắm:

Kế toán

Nguyễn Thị Thúy

Gò Vấp, ngày 15 tháng 4 năm 2024

Hiệu trưởng



Phạm Thị Nam Hồng